|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Có thể nghĩ đến hen khi: ý nào **không phù hợp** |
|  | Điều trị ho và khó thở bằng thuốc giảm ho với kháng sinh không kết quả, mà kết quả khi điều trị bằng thuốc chống hen. |
|  | Khó thở sau những cảm xúc mạnh. |
| \* | Bệnh nhân có tiếng thở rít khi ngủ |
|  | Bệnh nhân có cảm giác nặng ngực về đêm |
| End |  |
| 002 | Đặc điểm của cơn khó thở do hen là: ý nào **không phù hợp** |
|  | Khó thở khò khè tái phát |
| \* | Khó thở thì thở vào là chủ yếu |
|  | Cơn khó thở lúc đầu thường hay xuất hiện về ban đêm làm cho bệnh nhân phải thức giấc |
|  | Khó thở được cải thiện khi dùng thuốc giãn phế quản |
| End |  |
| 003 | Triệu chứng thực thể của hen phế quản là: ý nào **không phù hợp** |
|  | Gõ phổi thấy vang hơn bình thường, khoảng đục trước tim hẹp lại |
|  | Nhìn thấy lồng ngực giãn ra do ứ khí |
| \* | Nghe phổi thấy ran ẩm to nhỏ hạt khu trú ở vùng đáy phổi. |
|  | Nghe phổi thấy ran rít, ran ngáy khắp hai phế trường . |
| End |  |
| 004 | Hình ảnh Xquang phổi trong hen: ý nào **không phù hợp** |
| \* | Phổi đậm |
|  | Xương sườn nằm ngang |
|  | Xương ức rộng ra |
|  | Xương đòn dâng cao |
| End |  |
| 005 | Các yếu tố gây tắc nghẽn phế quản trong hen. |
|  | Co thắt cơ trơn phế quản. |
|  | Phù nề |
|  | Tăng tiết |
| \* | Cả 3 yếu tố trên |
| End |  |
| 006 | Xét nghiệm thăm dò chức năng hô hấp trong hen thấy:ý nào **không phù hợp** |
|  | Dung tích sống giảm. |
| \* | VEMS tăng. |
|  | Tyfneau giảm. |
|  | Thể tích cặn tăng. |
| End |  |
| 007 | Yếu tố quan trọng nhất trong chẩn đoán nguyên nhân hen là |
|  | Yếu tố gia đình |
|  | Yếu tố cơ địa |
| \* | Yếu tố dị nguyên |
|  | Yếu tố nhiễm khuẩn |
| End |  |
| 008 | Điều trị cơn hen nặng bao gồm các bước sau, bước nào phải tiến hànhđầu tiên |
|  | Chống phù nề xuất tiết |
| \* | Cắt cơn hen |
|  | Chống ứ tiết chất nhầy |
|  | Điều trị ngoài cơn |
| End |  |
| 009 | Bước nào sau đây **không** có trong các bước điều trị hen phế quản |
|  | Điều trị cắt cơn hen. |
| \* | Điều trị kháng sinh |
|  | Kiểm soát hen |
|  | Tư vấn cho bệnh nhân phòng cơn hen tái phát |
| End |  |
| 010 | Thuốc giãn phế quản điều trịtốt nhấtcho trường hợp nào dưới đây. |
|  | Viêm tiểu phế quản |
|  | Viêm phổi |
| \* | Hen phế quản |
|  | Dị vật đường thở |
| End |  |
| 011 | Trong trường hợp cần giãn phế quản nhanh người ta sử dụng thuốc nào sau đây |
| \* | Salbutamol khí dung |
|  | Salbutamol uống |
|  | Theophylin |
|  | Prednisolon |
| End |  |
| 012 | Thuốc nào dưới đây làthuốc giãn phế quản nhanh: |
|  | Salmeteron |
|  | Ephedrin |
| \* | Adrenalin |
|  | Amilophylin |
| End |  |
| 013 | Liều lượng thuốc Sanbutamol dùng cho trẻ 11 tháng uống 1 lần: |
| \* | 1 mg |
|  | 2 mg |
|  | 3 mg |
|  | 4 mg |
| End |  |
| 014 | Liều lượng thuốc Salbutamol dùng cho trẻ 21 tháng uống 1 lần: |
|  | 1 mg |
| \* | 2 mg |
|  | 3 mg |
|  | 4 mg |
| End |  |
| 015 | Một số biện pháp phòng bệnh hen: ý nào **không phù hợp** |
|  | Đề phòng và loại trừ các yếu tố thuận lợi gây khởi phát cơn hen |
|  | Phòng chống và điều trị triệt để những bệnh nhiễm khuẩn mạn tính đường hô hấp như viêm xoang, VA, viêm Amidal, viêm tai giữa .. |
|  | Phổ biến cho các bà mẹ không cho ăn thức ăn nghi là có gây dị ứng cho bệnh nhân. Tránh tiếp xúc với các dị nguyên hô hấp. |
| \* | Điều trị cắt cơn trong các cơn hen cấp tính |
| End |  |
| 016 | Một số biện pháp phòng bệnh hen: ý nào **không phù hợp** |
|  | Hạn chế tiếp xúc với các dị nguyên hô hấp và các dị nguyên thức ăn. |
|  | Đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ cho trẻ em. |
|  | Đảm bảo môi trường sống trong sạch, ít khói bụi, khí thải công nghiệp, chất hoá học, không hút thuốc nơi có trẻ em. |
| \* | Hạn chế các hoạt động thể lực |
| End |  |
| 017 | Các cơ chế bệnh sinh của hen phế quản: ý nào là **không phù hợp** |
|  | Cơ chế miễn dịch. |
|  | Ức chế thụ thể β Adrenergic. |
| \* | Giảm tiết Cholin . |
|  | Thiểu năng thượng thận. |
| End |  |
| 018 | Triệu chứng cơ năng của hen phế quản: ý nào là **không phù hợp** |
|  | Ho |
|  | Khạc đờm |
|  | Khó thở khò khè. |
| \* | Thở rít. |
| End |  |
| 019 | Các yếu tố thuận lợi gây hen phế quản ở trẻ em: |
|  | Tuổi: thường mắc ở trẻ trên 18 tháng tuổi. |
|  | Giới: trước tuổi dậy thì, tỷ lệ nam trên nữ là 2/1. |
|  | Yếu tố địa dư. |
| \* | Cả 3 yếu tố trên. |
| End |  |
| 020 | Các yếu tố thuận lợi gây hen phế quản ở trẻ em: |
|  | Yếu tố gia đình. |
|  | Yếu tố thần kinh. |
|  | Yếu tố nội tiết. |
| \* | Cả 3 yếu tố trên. |
| End |  |
| 021 | Các nguyên nhân chính gây hen phế quản: |
|  | Các dị nguyên thức ăn. |
|  | Các dị nguyên hô hấp. |
|  | Yếu tố nhiễm khuẩn. |
| \* | Cả 3 ý trên. |
| End |  |
| 022 | Bốn yếu tố liên quan đến hen phế quản không dị ứng: **Chọn ý sai** |
|  | Yếu tố gia đình. |
|  | Yếu tố tâm thần. |
|  | Yếu tố gắng sức. |
| \* | Khói bụi. |
| End |  |
| 023 | Cơn hen ở mức độ nhẹ có các triệu chứng sau, triệu chứng nào **không phù hợp**. |
|  | Nói từng câu |
|  | Khò khè nghe rõ ở cuối thì thở ra |
| \* | Khó thở thường xuyên. |
|  | PaCO2 <45mmHg |
| End |  |
| 024 | Cơn hen ở mức độ vừa có các triệu chứng sau, triệu chứng nào **không phù hợp**. |
| \* | Nằm dễ thở hơn |
|  | Thở khò khè rõ |
|  | Nói từng từ |
|  | PaO2>60mmHg |
| End |  |
| 025 | Cơn hen ở mức độ nặng có các triệu chứng sau: Triệu chứng nào **không phù hợp**. |
|  | Khó thở cả lúc nghỉ ngơi, trẻ bỏ ăn, bỏ bú |
|  | Chồm người ra trước để thở |
| \* | Tiếng khò khè nghe rõ ở cuối thì thở ra |
|  | PaCO2 > 45mmHg |
| End |  |